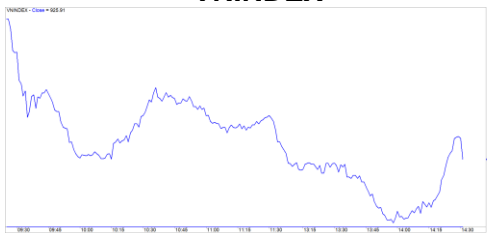


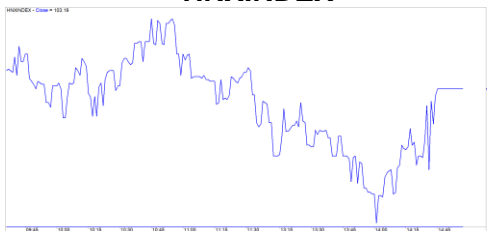
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	925.91	103.19	55.21
% ngày	-0.34%	0.60%	0.86%
% tuần	-6.61%	-2.91%	-1.80%
% tháng	-4.06%	0.78%	-2.54%
% năm	1.90%	-0.15%	0.73%
<b>GTGD (Tỷ VND)</b>			
Trong ngày	3,570	402	283
TB 1 tuần	4,112	450	204
TB 1 tháng	3,624	348	203
<b>Khối ngoại (Tỷ VND)</b>			
Mua	1,105.41	45.90	50.43
Bán	1,278.20	66.71	49.59
Giá trị ròng	-172.79	-20.81	0.84
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	154	54	176
Mã Giảm	129	64	76
Không Đổi	106	254	651
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	14.35	8.99	12.61
Vốn hóa TT	3,185	195	466
(ngàn tỷ)			
LS Cổ tức	2.43%	4.73%	4.41%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

### VNINDEX



### HNIINDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tiếp tục giằng co đi ngang trong biên độ hẹp với thanh khoản tiếp tục sụt giảm. Chỉ số VN-Index dao động trong biên độ 920-936 điểm chốt phiên tại 925.91 điểm giảm 0.34%. Chỉ số HNX-Index tiếp tục duy trì mạch tăng tốt với mức tăng 0.6% chốt tại 103.19 điểm. Giá trị giao dịch khớp lệnh tiếp tục sụt giảm nhẹ đạt 3,500 tỷ đồng.

Thị trường giao dịch có phần dè dặt nhưng vẫn xuất hiện nhiều điểm sáng. Cụ thể, VPB(+3%) ghi nhận phiên tăng thứ 3 liên tiếp với thanh khoản hơn 6.4 triệu cp. HDB tăng 3.1% và đồ thị giá đang trong xu hướng hồi phục mạnh từ vùng đáy 26,000 đồng/cp. Ở chiều ngược lại, SAB(-4.4%) là cổ phiếu ảnh hưởng tiêu cực nhất tới chỉ số khi đi xuống trong 2 phiên trở lại đây.

Nhóm cổ phiếu ngành Dược (DHG, DCL, JVC) điều chỉnh trở lại sau phiên bật tăng mạnh gần đây. Dòng tiền có xu hướng dịch chuyển sang nhóm Mid-Cap và Small-Cap đặc biệt là cổ phiếu giảm sâu vừa qua như LDG(+6%), DLG(+4.7%), PVD(+2.5%), SCR(+1.9%)... hồi phục tích cực.

Khối ngoại bán ròng hơn 192.7 tỷ đồng toàn thị trường. DXG(62.1 tỷ), VNM(39.9 tỷ) là các mã bị bán ròng nhiều nhất. Ở chiều ngược lại, HDB(34 tỷ), E1VFN30(20.3 tỷ) tiếp tục được mua ròng khá trong 2 phiên vừa qua.

## QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục đi ngang quanh vùng giá 929 – 936 điểm của chỉ số VN-Index. Đồng thời, thị trường vẫn đang trong giai đoạn hồi phục ngắn hạn và dòng tiền có thể sẽ tiếp tục phân hóa giữa các nhóm cổ phiếu, đặc biệt nhóm cổ phiếu ngân hàng có thể sẽ tiếp tục thu hút dòng tiền ngắn hạn. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tăng nhẹ, nhưng chúng tôi đánh giá vẫn tiêu cực cho nên chiến lược ngắn hạn vẫn chưa nên vội gia tăng tỷ trọng cổ phiếu và tiếp tục thận trọng.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số chính với mức kháng cự ở mức 939.13 điểm của chỉ số VN-Index và 103.83 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn dừng bán và quan sát thị trường. Đồng thời, các nhà đầu tư ngắn hạn chỉ nên mua mới với tỷ trọng thấp nhằm thăm dò xu hướng ngắn hạn hoặc cơ cấu để hạ giá vốn trên cổ phiếu sẵn có.

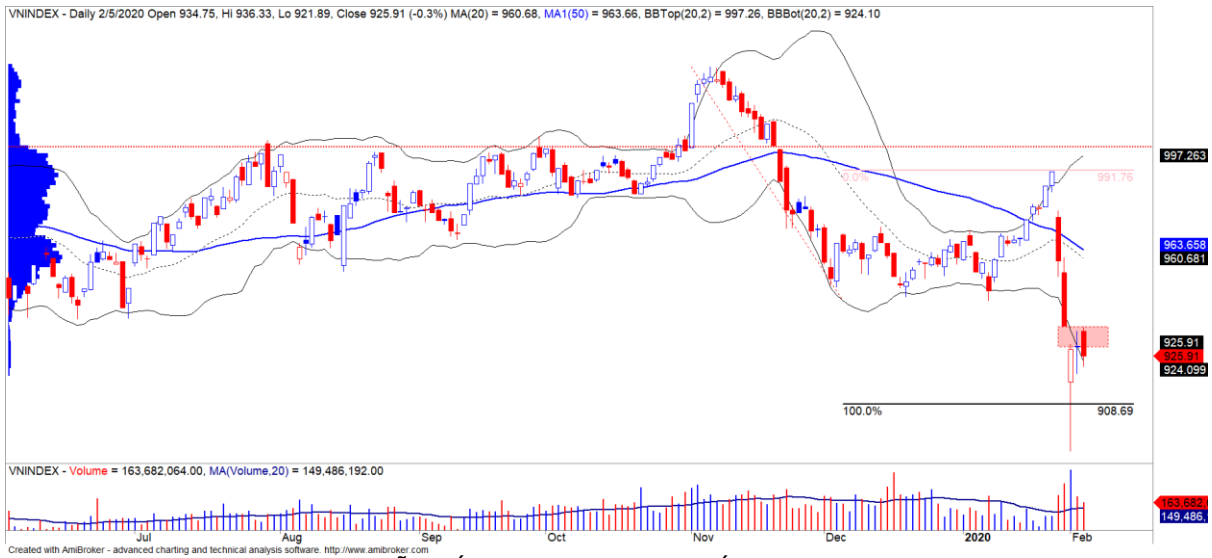
**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn:** 18% cổ phiếu/82% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	106	108	99	90
Chỉ số VN30	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	835	845	822	804



We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	11.20	GIẢM	GIẢM		11.65				13.75		
ACB	23.00	GIẢM	TĂNG		23.58			24.00	22.57	-4.17%	
ACV	59.00	GIẢM	GIẢM		61.40				77.50		
ANV	17.60	GIẢM	GIẢM		18.67				24.61		
ASM	5.66	GIẢM	GIẢM		6.07				7.18		
BFC	10.00	GIẢM	GIẢM		11.21				13.05		
BID	53.50	GIẢM	TĂNG		55.97			33.40	49.22	60.18%	
BMP	42.00	GIẢM	GIẢM		43.42				49.34		
BSR	7.60	GIẢM	GIẢM		8.10				8.84		
BVH	56.80	GIẢM	GIẢM		60.36				72.56		
BWE	19.20	GIẢM	GIẢM		21.08				24.17		
CEO	8.40	GIẢM	GIẢM		8.62				9.80		
CII	24.15	GIẢM	TĂNG		25.48			26.00	22.83	-7.12%	
CMG	30.05	GIẢM	GIẢM		32.59				38.10		
CMX	17.45	TĂNG	TĂNG	12.55	14.38	39.04%			16.17		
CSM	13.10	GIẢM	GIẢM	14.30	13.59	-4.94%	BÁN		14.75		
CTD	50.60	GIẢM	GIẢM		56.46				61.28		
CTG	26.55	TĂNG	TĂNG	20.60	24.20	28.88%		23.55	22.98	12.74%	
CTR	44.10	GIẢM	N/A		48.02			-	N/A		
CVT	19.75	GIẢM	GIẢM		20.20				22.18		
DCM	5.69	GIẢM	GIẢM		5.90				6.45		
DGC	24.20	GIẢM	GIẢM		25.21				26.93		
DGW	23.90	GIẢM	TĂNG		24.37			25.20	22.71	-5.16%	
DHA	32.00	TĂNG	GIẢM	31.85	30.41	0.47%			32.52		
DHC	38.90	GIẢM	TĂNG		42.21			37.70	36.02	3.18%	
DHG	96.50	GIẢM	TĂNG	93.00	98.20	5.60%	BÁN	99.50	94.66	-3.02%	MUA
DIG	11.40	GIẢM	GIẢM		12.12				14.46		
DPG	24.15	GIẢM	GIẢM		28.34				38.70		
DPM	11.40	GIẢM	GIẢM		11.87				13.89		
DPR	37.60	GIẢM	TĂNG		40.16			41.30	36.21	-8.96%	
DQC	14.25	GIẢM	GIẢM		15.35				17.13		
DRC	22.75	GIẢM	GIẢM		24.62			21.60	23.40	8.32%	BÁN
DXG	10.90	GIẢM	GIẢM		11.93				14.95		
EIB	17.20	TĂNG	TĂNG	17.80	16.75	-3.37%		18.40	16.46	-6.52%	
FCN	9.30	GIẢM	GIẢM		9.88				11.04		



We Create Fortune

FMC	25.00	GIẢM	TĂNG		25.60			31.60	25.00	-20.89%	
FPT	52.00	GIẢM	GIẢM		53.94			46.00	54.99	19.54%	BÁN
GAS	81.60	GIẢM	GIẢM		88.13				101.88		
GEX	19.10	TĂNG	GIẢM	20.50	18.98	-6.83%			20.84		
GIL	17.65	GIẢM	GIẢM		19.25			18.90	18.75	-0.80%	MUA
GMD	18.90	GIẢM	GIẢM		19.77				23.37		
GTN	16.00	GIẢM	GIẢM		17.69				20.66		
GVR	10.50	GIẢM	N/A		11.30				N/A		
HAG	3.30	GIẢM	GIẢM		3.59				4.22		
HAX	13.45	GIẢM	GIẢM		14.36				17.10		
HBC	10.40	GIẢM	GIẢM		11.15				12.34		
HCM	18.30	GIẢM	GIẢM		20.02				23.40		
HDB	28.40	TĂNG	GIẢM	28.40	28.24	0.00%	MUA		29.24		
HDC	20.15	GIẢM	GIẢM		21.10			15.25	21.08	38.24%	BÁN
HDG	26.30	GIẢM	GIẢM		28.10				32.97		
HNG	12.70	GIẢM	GIẢM		13.78				15.25		
HPG	24.45	GIẢM	TĂNG		25.35			23.85	23.23	2.52%	
HSG	8.03	GIẢM	TĂNG		8.68			7.75	7.52	3.61%	
HT1	14.50	GIẢM	TĂNG		14.86			16.90	13.91	-14.20%	
HUT	2.10	GIẢM	GIẢM		2.33				2.71		
HVN	26.50	GIẢM	GIẢM		28.88				35.49		
KBC	14.80	GIẢM	TĂNG		15.27			15.35	14.21	-3.58%	
KDH	24.75	GIẢM	GIẢM		25.31			24.00	24.98	4.06%	
KSB	15.30	GIẢM	GIẢM		16.58				17.89		
LCG	6.52	GIẢM	GIẢM		6.88				8.27		
LDG	6.49	GIẢM	GIẢM		7.10				9.18		
LHG	14.35	GIẢM	GIẢM		15.08				16.89		
LPB	7.00	TĂNG	GIẢM	7.00	6.97	0.00%	MUA		8.05		
MBB	21.15	GIẢM	GIẢM		21.25				22.70		
MPC	22.00	TĂNG	TĂNG	22.00	21.97	0.00%	MUA	24.10	19.14	-8.71%	
MSN	50.00	GIẢM	GIẢM		51.76				61.61		
MSR	14.30	GIẢM	GIẢM		14.88				16.05		
MWG	108.00	GIẢM	GIẢM		112.52				122.49		
NDN	13.80	GIẢM	GIẢM		15.06				17.24		
NKG	7.80	GIẢM	GIẢM		8.93			7.11	8.06	13.41%	
NLG	25.80	GIẢM	GIẢM		26.97			28.70	26.30	-8.38%	
NT2	19.25	TĂNG	GIẢM	19.80	18.63	-2.78%			20.20		
NTL	20.15	GIẢM	GIẢM		22.16			24.20	21.14	-12.66%	
NVL	54.00	GIẢM	GIẢM		57.19				59.95		



We Create Fortune

OIL	7.00	GIẢM	GIẢM		7.61			9.30		
PAC	23.40	GIẢM	GIẢM		24.12			27.00		
PC1	14.40	GIẢM	GIẢM		16.63			19.39		
PDR	26.10	TĂNG	TĂNG	26.50	24.77	-1.51%	29.00	25.19	-10.00%	
PHR	33.65	GIẢM	GIẢM		37.62			46.96		
PLX	51.50	GIẢM	GIẢM		53.12			60.01		
PNJ	82.70	GIẢM	GIẢM		86.66		77.07	84.79	10.01%	BÁN
POW	9.57	GIẢM	GIẢM		10.64			12.20		
PVT	13.20	GIẢM	GIẢM		13.90			16.41		
PPC	25.70	GIẢM	TĂNG		26.35		28.40	24.39	-9.51%	
PTB	68.00	TĂNG	GIẢM	70.00	64.54	-2.86%		72.68		
PVB	16.30	GIẢM	GIẢM		17.40			19.65		
PVD	12.50	GIẢM	GIẢM		13.50			16.51		
PVI	31.40	GIẢM	GIẢM		31.73			33.18		
PVS	16.10	GIẢM	GIẢM		16.89			19.30		
PXS	5.86	TĂNG	TĂNG	5.90	5.23	-0.68%	6.20	4.92	-5.48%	
QNS	27.80	TĂNG	GIẢM	27.70	26.85	0.36%		28.87		
REE	33.30	GIẢM	GIẢM		34.69		33.33	35.23	5.70%	BÁN
SAB	194.00	GIẢM	GIẢM		217.89			248.37		
SAM	9.42	TĂNG	TĂNG	8.15	9.10	15.58%	7.40	8.67	27.30%	
SCR	5.40	TĂNG	GIẢM	5.30	4.67	1.89%		5.93		
SHI	8.88	GIẢM	TĂNG		9.22		6.99	8.30	27.04%	
SJS	16.50	GIẢM	GIẢM		16.80		17.00	24.08	41.66%	BÁN
SKG	11.00	GIẢM	GIẢM		11.68		12.30	11.66	-5.18%	BÁN
SSI	16.95	GIẢM	GIẢM		17.93			19.73		
STB	10.25	GIẢM	TĂNG		10.71		10.20	9.94	0.49%	MUA
TCB	21.75	GIẢM	GIẢM		22.54			24.80		
TCM	18.80	GIẢM	TĂNG		21.16		20.65	18.42	-8.96%	MUA
TDH	9.63	GIẢM	GIẢM		10.07			11.10		
TLH	3.46	GIẢM	GIẢM		3.81		4.48	3.49	-22.16%	
TNG	14.50	GIẢM	TĂNG		16.00		15.50	13.78	-6.45%	MUA
VCB	88.90	GIẢM	TĂNG		91.95		62.00	86.74	43.39%	
VCG	25.10	TĂNG	GIẢM	25.80	24.54	-2.71%	19.20	25.28	31.66%	
VCS	64.80	GIẢM	GIẢM		68.86			79.65		
VGC	17.50	GIẢM	GIẢM		18.10			18.86		
VGT	8.60	TĂNG	GIẢM	8.60	8.60	0.00%		8.95		
VHC	32.50	GIẢM	GIẢM		34.58			41.92		
VHM	86.00	GIẢM	GIẢM		88.10			91.72		
VIB	17.30	TĂNG	TĂNG	17.80	17.07	-2.81%	17.70	16.56	-2.26%	



We Create Fortune

VIC	114.50	GIẢM	TĂNG		115.59			112.00	113.76	2.23%	
VIP	4.91	GIẢM	GIẢM		5.02				5.28		
VJC	127.00	GIẢM	GIẢM		129.12			124.50	140.85	13.14%	BÁN
VND	14.10	GIẢM	TĂNG		14.54			14.70	13.53	-4.08%	MUA
VNG	19.05	GIẢM	GIẢM		19.73				20.87		
VNM	106.60	GIẢM	GIẢM		111.71				126.07		
VPB	24.15	TĂNG	TĂNG	20.00	22.32	20.75%		21.90	20.51	10.27%	
VPI	42.00	TĂNG	TĂNG	42.45	41.55	-1.06%		41.30	40.54	1.69%	
VRC	5.46	GIẢM	GIẢM		7.22				10.69		
VRE	28.95	GIẢM	GIẢM		31.09			35.05	32.08	-8.48%	BÁN
VSC	25.00	GIẢM	TĂNG		26.09			27.00	24.46	-7.41%	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	23.00	GIẢM	TĂNG		23.58			24.00	22.57	-4.17%	
BID	53.50	GIẢM	TĂNG		55.97			33.40	49.22	60.18%	
BSR	7.60	GIẢM	GIẢM		8.10				8.84		
BVH	56.80	GIẢM	GIẢM		60.36				72.56		
CTG	26.55	TĂNG	TĂNG	20.60	24.20	28.88%		23.55	22.98	12.74%	
FPT	52.00	GIẢM	GIẢM		53.94			40.23	54.99	36.70%	BÁN
GAS	81.60	GIẢM	GIẢM		88.13				101.88		
GEX	19.10	TĂNG	GIẢM	20.50	18.98	-6.83%			20.84		
GVR	10.50	GIẢM	N/A		11.30				N/A		
HDB	28.40	TĂNG	GIẢM	28.40	28.24	0.00%	MUA		29.24		
HNG	12.70	GIẢM	GIẢM		13.78				15.25		
HPG	24.45	GIẢM	TĂNG		25.35			23.85	23.23	2.52%	
HVN	26.50	GIẢM	GIẢM		28.88				35.49		
KDH	24.75	GIẢM	GIẢM		25.31			24.00	24.98	4.06%	
MBB	21.15	GIẢM	GIẢM		21.25				22.70		
MSN	50.00	GIẢM	GIẢM		51.76				61.61		
MWG	108.00	GIẢM	GIẢM		112.52				122.49		
NVL	54.00	GIẢM	GIẢM		57.19				59.95		
OIL	7.00	GIẢM	GIẢM		7.61				9.30		
PLX	51.50	GIẢM	GIẢM		53.12				60.01		
PNJ	82.70	GIẢM	GIẢM		86.66			77.07	84.79	10.01%	BÁN
POW	9.57	GIẢM	GIẢM		10.64				12.20		

We Create Fortune

QNS	27.80	TĂNG	GIẢM	27.70	26.85	0.36%			28.87		
REE	33.30	GIẢM	GIẢM		34.69			33.33	35.23	5.70%	BÁN
ROS	7.52	GIẢM	GIẢM		10.00				13.87		
SBT	17.75	GIẢM	TĂNG		18.44			17.50	17.46	1.43%	
SSI	16.95	GIẢM	GIẢM		17.93				19.73		
STB	10.25	GIẢM	TĂNG		10.71			10.20	9.94	0.49%	MUA
TCB	21.75	GIẢM	GIẢM		22.54				24.80		
TPB	21.10	GIẢM	GIẢM		21.43				23.94		
VCB	88.90	GIẢM	TĂNG		91.95			62.00	86.74	43.39%	
VCG	25.10	TĂNG	GIẢM	25.80	24.54	-2.71%		18.44	25.28	37.08%	
VCS	64.80	GIẢM	GIẢM		68.86				79.65		
VEA	44.50	TĂNG	GIẢM	45.50	42.41	-2.20%			59.45		
VGI	24.60	GIẢM	N/A		25.95				N/A		
VHM	86.00	GIẢM	GIẢM		88.10				91.72		
VIB	17.30	TĂNG	TĂNG	17.80	17.07	-2.81%		15.00	16.56	15.30%	
VIC	114.50	GIẢM	TĂNG		115.59			112.00	113.76	2.23%	
VJC	127.00	GIẢM	GIẢM		129.12			124.50	140.85	13.14%	BÁN
VNM	106.60	GIẢM	GIẢM		111.71				126.07		
VPB	24.15	TĂNG	TĂNG	20.00	22.32	20.75%		21.90	20.51	10.27%	
VRE	28.95	GIẢM	GIẢM		31.09			35.05	32.08	-8.48%	BÁN

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	11.20	GIẢM	GIẢM		11.65				13.75		
ANV	17.60	GIẢM	GIẢM		18.67				24.61		
ASM	5.66	GIẢM	GIẢM		6.07				7.18		
BMI	24.60	TĂNG	TĂNG	25.65	24.53	-4.09%		26.70	23.99	-7.87%	
BMP	42.00	GIẢM	GIẢM		43.42				49.34		
BWE	19.20	GIẢM	GIẢM		21.08				24.17		
CEO	8.40	GIẢM	GIẢM		8.62				9.80		
CII	24.15	GIẢM	TĂNG		25.48			26.00	22.83	-7.12%	
CRE	23.00	GIẢM	GIẢM		23.91			25.00	23.65	-5.42%	BÁN
CTI	19.55	GIẢM	GIẢM		22.73				23.07		
CTR	44.10	GIẢM	TĂNG		48.02			43.70	40.69	0.92%	MUA
D2D	51.40	GIẢM	GIẢM		55.90				77.80		
DBD	54.60	TĂNG	GIẢM	58.00	54.48	-5.86%			60.29		



We Create Fortune

DCM	5.69	GIẢM	GIẢM		5.90			6.45		
DGW	23.90	GIẢM	TĂNG		24.37		25.20	22.71	-5.16%	
DHC	38.90	GIẢM	TĂNG		42.21		37.70	36.02	3.18%	
DIG	11.40	GIẢM	GIẢM		12.12			14.46		
DPG	24.15	GIẢM	GIẢM		28.34			38.70		
DPM	11.40	GIẢM	GIẢM		11.87			13.89		
DRC	22.75	GIẢM	GIẢM		24.62		21.60	23.40	8.32%	BÁN
DXG	10.90	GIẢM	GIẢM		11.93			14.95		
E1VFN30	14.00	GIẢM	GIẢM		14.52			15.42		
FCN	9.30	GIẢM	GIẢM		9.88			11.04		
FLC	3.82	GIẢM	GIẢM		4.21		4.63	4.02	-13.27%	BÁN
GEG	24.95	GIẢM	GIẢM		26.03			27.32		
GMD	18.90	GIẢM	GIẢM		19.77			23.37		
GTN	16.00	GIẢM	GIẢM		17.69			20.66		
HAG	3.30	GIẢM	GIẢM		3.59			4.22		
HBC	10.40	GIẢM	GIẢM		11.15			12.34		
HCM	18.30	GIẢM	GIẢM		20.02			23.40		
HDC	20.15	GIẢM	GIẢM		21.10		15.25	21.08	38.24%	BÁN
HDG	26.30	GIẢM	GIẢM		28.10			32.97		
HPX	26.40	TĂNG	#N/A	27.50	26.12	-4.00%	35.30	#N/A	#N/A	
HSG	8.03	GIẢM	TĂNG		8.68		7.75	7.52	3.61%	
HT1	14.50	GIẢM	TĂNG		14.86		16.90	13.91	-14.20%	
HTM	18.10	GIẢM	TĂNG		19.16		20.00	15.34	-9.50%	
IBC	20.30	GIẢM	GIẢM		20.58			21.22		
IDI	4.17	GIẢM	GIẢM		4.49			5.52		
IJC	13.30	GIẢM	GIẢM		14.18		13.10	14.05	7.27%	BÁN
ITA	2.22	GIẢM	GIẢM		2.39			2.92		
KBC	14.80	GIẢM	TĂNG		15.27		14.85	14.21	-0.31%	
KDC	18.00	GIẢM	GIẢM		19.51		20.82	18.08	-13.16%	
KOS	29.90	TĂNG	TĂNG	26.80	29.50	11.57%	26.30	26.05	13.69%	
KSB	15.30	GIẢM	GIẢM		16.58			17.89		
LDG	6.49	GIẢM	GIẢM		7.10			9.18		
LPB	7.00	TĂNG	GIẢM	7.00	6.97	0.00%	MUA	8.05		
MBG	14.60	GIẢM	GIẢM		16.70			27.83		
MBS	14.10	GIẢM	GIẢM		14.83			15.75		
MPC	22.00	TĂNG	TĂNG	22.00	21.97	0.00%	MUA	24.10	19.14	-8.71%
NBB	19.80	GIẢM	GIẢM		20.91			22.02		
NKG	7.80	GIẢM	GIẢM		8.93		7.11	8.06	13.41%	

We Create **Fortune**

NLG	25.80	GIẢM	GIẢM		26.97			26.28	26.30	0.06%	
NT2	19.25	TĂNG	GIẢM	19.80	18.63	-2.78%			20.20		
NTL	20.15	GIẢM	GIẢM		22.16			24.20	21.14	-12.66%	
NVB	9.10	GIẢM	TĂNG		9.49			8.50	8.62	7.06%	
OGC	3.42	GIẢM	GIẢM		3.57				3.92		
PC1	14.40	GIẢM	GIẢM		16.63				19.39		
PDR	26.10	TĂNG	TĂNG	26.50	24.77	-1.51%		23.59	25.19	10.62%	
PHR	33.65	GIẢM	GIẢM		37.62				46.96		
PPC	25.70	GIẢM	TĂNG		26.35			28.40	24.39	-9.51%	
PTB	68.00	TĂNG	GIẢM	70.00	64.54	-2.86%			72.68		
PVD	12.50	GIẢM	GIẢM		13.50				16.51		
PVI	31.40	GIẢM	GIẢM		31.73				33.18		
PVS	16.10	GIẢM	GIẢM		16.89				19.30		
PVT	13.20	GIẢM	GIẢM		13.90				16.41		
QCG	3.57	GIẢM	GIẢM		3.79				4.30		
SCR	5.40	TĂNG	GIẢM	5.30	4.67	1.89%			5.93		
SGP	6.10	GIẢM	GIẢM		6.68				8.49		
SHB	7.40	TĂNG	TĂNG	6.40	6.12	15.63%		7.10	6.52	4.23%	
SHS	6.60	GIẢM	GIẢM		7.22			8.40	7.36	-12.38%	<b>BÁN</b>
SZC	14.80	GIẢM	GIẢM		15.48				18.63		
TCH	41.75	TĂNG	TĂNG	30.05	39.80	38.94%		26.15	35.93	59.66%	
TCM	18.80	GIẢM	TĂNG		21.16			20.65	18.42	-8.96%	<b>MUA</b>
TDH	9.63	GIẢM	GIẢM		10.07				11.10		
TNG	14.50	GIẢM	TĂNG		16.00			15.50	13.78	-6.45%	<b>MUA</b>
TTB	3.06	GIẢM	GIẢM		3.78				6.34		
VGC	17.50	GIẢM	GIẢM		18.10				18.86		
VGT	8.60	TĂNG	GIẢM		8.60				8.95		
VHC	32.50	GIẢM	GIẢM		34.58				41.92		
VND	14.10	GIẢM	TĂNG		14.54			14.70	13.53	-4.08%	<b>MUA</b>
VNG	19.05	GIẢM	GIẢM		19.73				20.87		
VPI	42.00	TĂNG	TĂNG	42.45	41.55	-1.06%		41.30	40.54	1.69%	



We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	7.40	GIẢM	GIẢM		8.32			9.00	7.48	-16.87%	
AGR	3.37	TĂNG	GIẢM	3.60	3.27	-6.39%			3.87		
AMD	1.72	GIẢM	GIẢM		1.93				2.33		
APG	11.40	TĂNG	TĂNG	10.70	9.47	6.54%		9.90	8.88	15.15%	
ART	2.20	GIẢM	TĂNG		2.60			2.30	2.12	-4.35%	
BCG	6.25	GIẢM	GIẢM		6.58				7.40		
C4G	5.60	GIẢM	GIẢM		6.30				6.98		
C69	5.80	GIẢM	GIẢM		6.22				11.07		
CCL	6.09	GIẢM	GIẢM		6.85			7.88	6.27	-20.46%	
CVT	19.75	GIẢM	GIẢM		20.20				22.18		
DAH	8.35	GIẢM	GIẢM		9.01				10.73		
DLG	1.79	GIẢM	GIẢM		1.92				2.39		
DRH	3.16	TĂNG	GIẢM	3.63	3.15	-12.95%			4.24		
DTD	9.60	GIẢM	GIẢM		10.30				12.23		
EVG	2.41	GIẢM	GIẢM		2.62				2.80		
FIT	8.00	GIẢM	GIẢM		8.72				10.68		
FTM	1.61	GIẢM	GIẢM		1.81				3.26		
FUES SV50	12.20	GIẢM	GIẢM		12.49				13.06		
GKM	15.50	TĂNG	TĂNG	15.00	14.91	3.33%		14.90	14.67	4.03%	
HAH	10.30	GIẢM	GIẢM		11.10				12.82		
HAI	2.50	GIẢM	GIẢM		2.81				3.33		
HAR	3.07	GIẢM	GIẢM		3.44				4.15		
HDA	8.90	GIẢM	GIẢM		9.54				10.48		
HHP	12.30	TĂNG	GIẢM	12.20	12.22	0.82%			13.13		
HHS	3.53	GIẢM	TĂNG		3.88			3.36	2.97	5.06%	
HID	2.30	TĂNG	TĂNG	2.36	2.25	-2.54%		2.63	2.16	-12.55%	
HII	9.20	GIẢM	GIẢM		9.57				10.51		
HQC	0.99	GIẢM	GIẢM		1.05				1.21		
HSL	6.67	GIẢM	GIẢM		7.92				8.34		
HUT	2.10	GIẢM	GIẢM		2.33				2.71		
HVG	8.00	TĂNG	TĂNG	7.82	7.93	2.30%		3.90	6.94	105.13%	
HVH	10.80	GIẢM	GIẢM		12.50				16.61		
IDJ	8.40	GIẢM	TĂNG		9.13			7.20	6.50	16.67%	
JVC	3.56	TĂNG	GIẢM	3.47	3.47	2.59%			3.79		



We Create Fortune

KLF	1.40	GIẢM	TĂNG		1.57			1.50	1.33	-6.67%	
LCG	6.52	GIẢM	GIẢM		6.88				8.27		
LGL	6.80	GIẢM	GIẢM		7.49				8.67		
LHG	14.35	GIẢM	GIẢM		15.08				16.89		
LMH	2.05	GIẢM	GIẢM		2.84				5.76		
MST	5.10	GIẢM	TĂNG		5.30			3.40	4.34	50.00%	
NDN	13.80	GIẢM	GIẢM		15.06				17.24		
PHC	10.45	GIẢM	GIẢM		10.91				11.99		
PLP	8.90	GIẢM	GIẢM		9.49				10.90		
PVB	16.30	GIẢM	GIẢM		17.40				19.65		
PVC	5.80	GIẢM	GIẢM		6.40				7.26		
PVX	1.00	GIẢM	GIẢM		1.17				1.45		
PXL	7.50	TĂNG	TĂNG	8.10	7.28	-7.41%		6.70	6.66	11.94%	
SHI	8.88	GIẢM	TĂNG		9.22			5.77	8.30	54.03%	
SJF	1.70	GIẢM	GIẢM		1.90				2.06		
SPP	1.50	GIẢM	GIẢM		1.70				2.33		
TDC	8.09	GIẢM	GIẢM		8.45				9.04		
TIG	5.70	GIẢM	TĂNG		6.31			3.20	5.54	78.13%	
TLH	3.46	GIẢM	GIẢM		3.81			4.48	3.49	-22.16%	
TNA	17.15	GIẢM	GIẢM		20.14				22.82		
TNI	10.05	GIẢM	TĂNG		10.41			10.90	9.99	-7.80%	
TSC	2.06	GIẢM	GIẢM		2.37				3.23		
TTF	2.38	GIẢM	GIẢM		2.56				2.97		
TTH	2.50	TĂNG	GIẢM	2.70	2.49	-7.41%			2.89		
TVC	20.50	GIẢM	TĂNG		21.24			14.30	18.60	43.36%	
VC3	16.50	GIẢM	TĂNG		17.16			22.00	16.32	-25.00%	
VCR	7.90	GIẢM	GIẢM		9.35				12.75		
VNA	2.60	GIẢM	GIẢM		3.10				4.10		
VNE	3.55	GIẢM	GIẢM		3.77				3.70		
VRC	5.46	GIẢM	GIẢM		7.22				10.69		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)			Sàn GDCK Hà Nội (HSX)			Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%		Điểm	Chg%		Điểm	Chg%
VNI	925.91	-0.34%	HNI	103.19	0.60%	UPCoM	55.21	0.86%
VN30	845.31	-0.02%	HN30	180.35	1.79%			
VN Mid	875.18	0.35%	VNX	808.67	0.09%			
VN Small	708.08	0.49%	AllSh					

GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	1105.41		Mua	45.90		Mua	50.43	
Bán	1278.2		Bán	66.71		Bán	49.59	
GT ròng	-172.79		GT ròng	-20.81		GT ròng	0.84	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
GAB	3500	6.93%	SHB	600	8.82%	VGT	700	8.86%
D2D	3300	6.86%	TAR	1400	5.07%	MPC	1400	6.80%
FIT	510	6.81%	CSC	1100	3.44%	LPB	300	4.48%
FRT	1000	6.06%	PVS	400	2.55%	EVF	300	4.41%
LDG	370	6.05%	VCS	1600	2.53%	CTR	1500	3.52%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DCL	-1750	-7.00%	AMV	-2000	-9.76%	DVN	-1200	-9.02%
ROS	-560	-6.93%	DHT	-3700	-6.98%	NTC	-3000	-1.93%
CTI	-1450	-6.90%	L14	-2400	-4.81%	MML	-300	-0.51%
DHG	-4500	-4.46%	ACB	-200	-0.86%	BOT	-100	-0.18%
SAB	-9000	-4.43%	PLC	-100	-0.84%	OIL	0	0.00%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	388,303		ACB	38,431		VEA	58,023	
VCB	333,057		SHB	11,936		MCH	45,291	
VHM	281,911		VCG	11,175		BSR	23,399	
BID	218,798		VCS	10,112		MML	18,914	
VNM	182,845		PVS	7,504		MVN	17,417	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
CTG	11,802,260	8,376,197	SHB	13,239,005	8,089,054	LPB	2,219,653	740,046
DLG	10,198,390	8,707,077	ACB	4,561,850	2,522,212	SIP	1,403,376	22,955
MBB	8,036,603	6,003,413	PVS	3,133,561	2,728,500	BSR	923,440	2,709,275
LMH	7,884,890	441,424	NVB	2,527,100	1,762,693	VIB	742,628	698,261
DXG	7,330,590	2,042,942	ACM	1,472,410	385,142	EVF	707,263	199,042

Nguồn: Bloomberg & YSVN

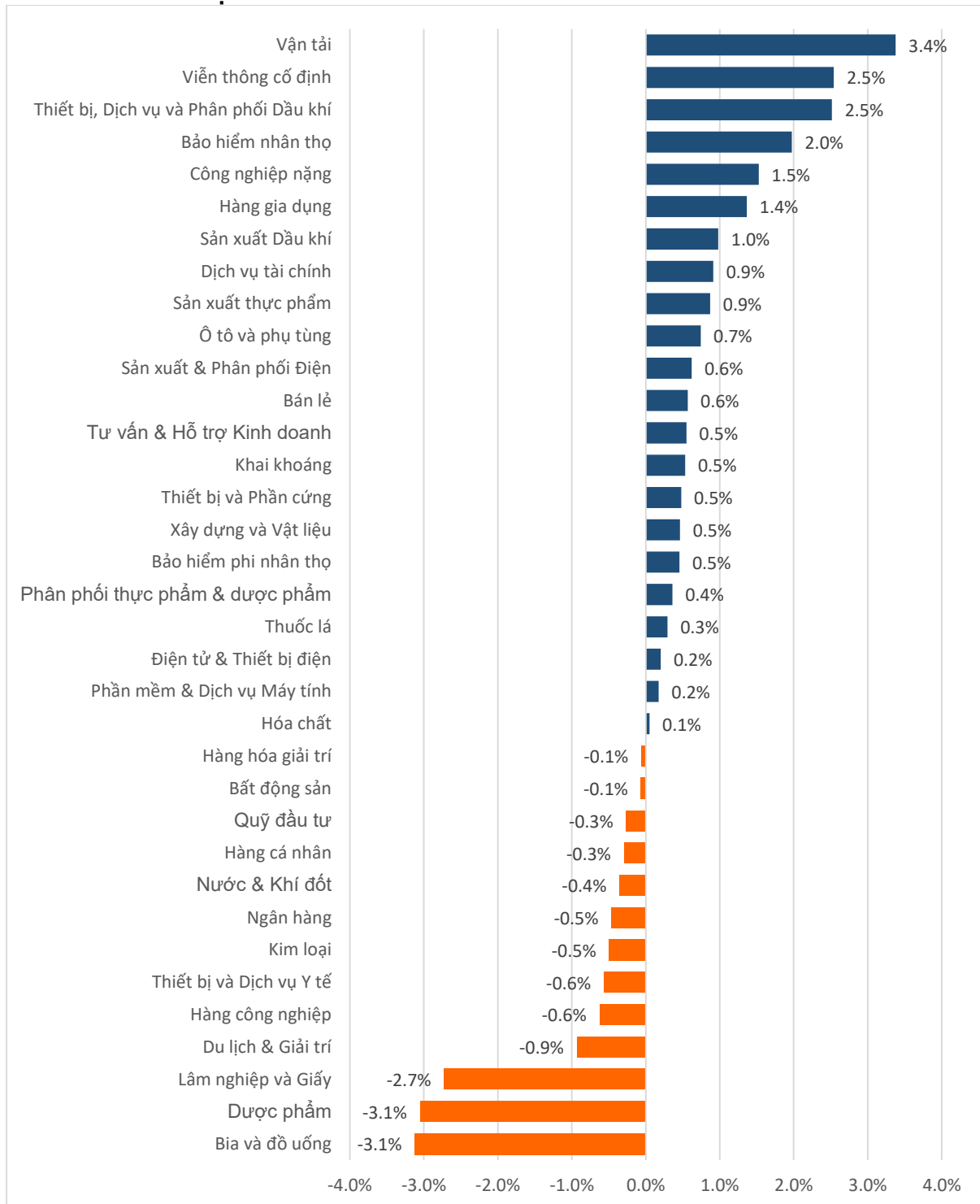
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



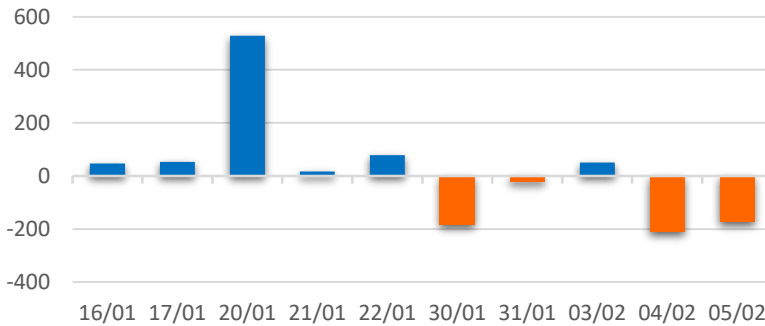
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

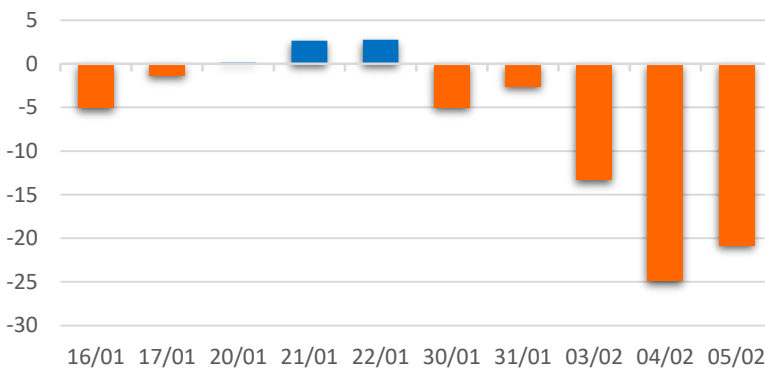
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
HDB	34,825	DXG	62,124
E1VFN30	32,532	VNM	39,933
CTG	15,040	HPG	33,895
VJC	6,157	VRE	16,359
VCB	5,689	PLX	12,575

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

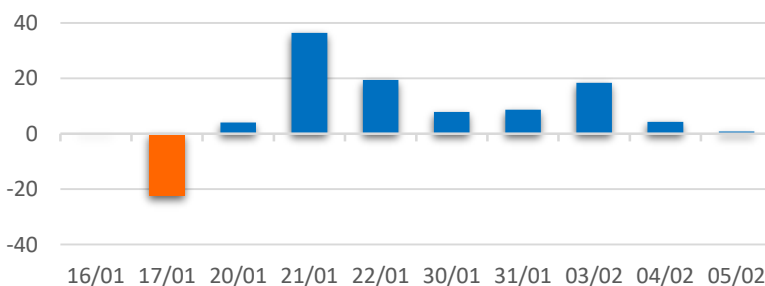
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
WCS	238	PVS	11,362
TNG	215	PLC	4,110
AMV	205	SHS	2,277
VCS	104	NTP	1,755
SRA	91	SHB	1,074

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại  
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
QNS	1,668	ACV	994
FOX	107	VEA	522
HUG	85	SDK	119
KHD	46	MCH	13
VGT	25	SKH	11

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



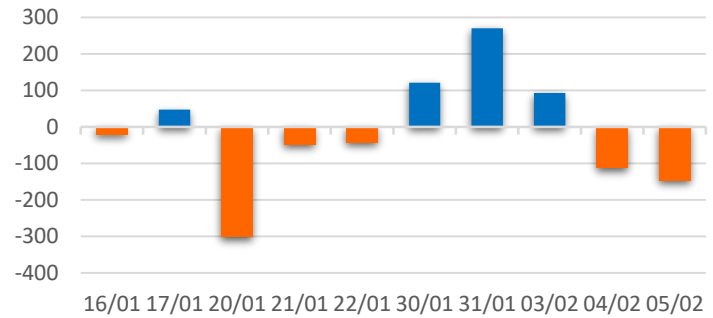
We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

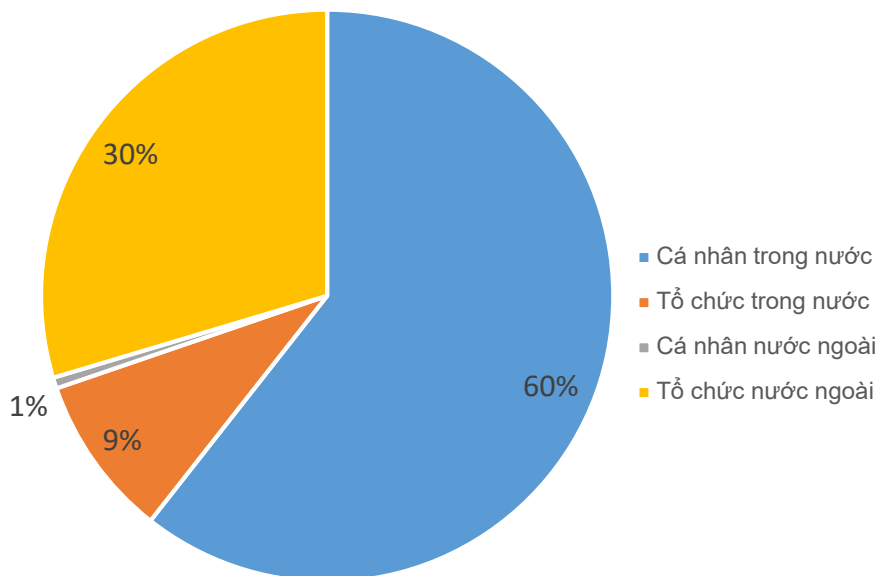
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
<b>MBB</b>	21,545	<b>E1VFN30</b>	35,983
<b>MWG</b>	14,289	<b>ROS</b>	34,689
<b>VHM</b>	10,987	<b>MBB</b>	21,743
<b>FPT</b>	9,282	<b>MWG</b>	14,536
<b>HPG</b>	8,072	<b>VNM</b>	12,870

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

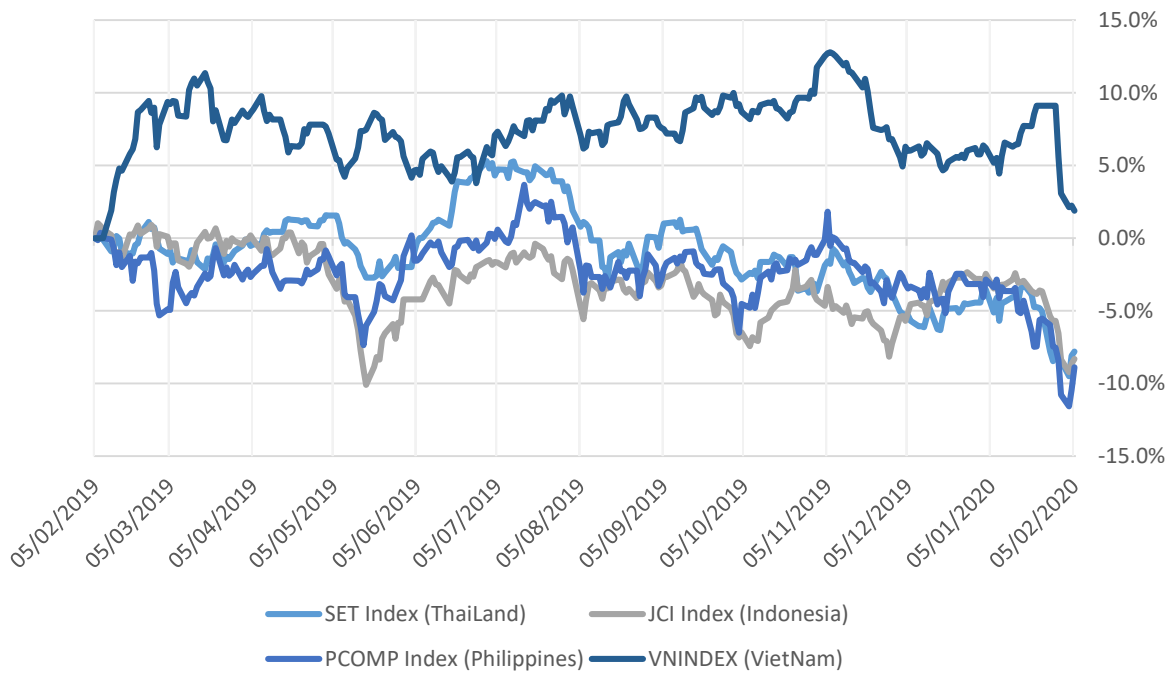


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

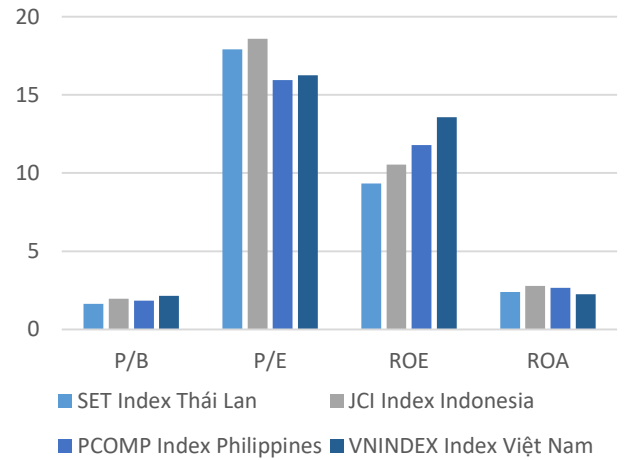
### Diễn biến các thị trường trong khu vực



#### Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.6x	2.0x	1.9x	2.1x
P/E		17.9x	18.6x	15.9x	16.2x
ROE	%	9.33	10.55	11.79	13.57
ROA	%	2.39	2.78	2.66	2.26
Vốn hóa	Tỷ USD	518.73	502.19	176.60	136.95
GTGD	Triệu USD	1.65	0.37	0.10	0.14
LS cổ tức	%	3.40	2.56	1.70	2.09

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com.vn

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com.vn

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com.vn

**Phạm Tấn Phát**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuantan.com.vn

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

**Nguyễn Đức Hoàn**

**Giám đốc trung tâm kinh doanh  
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuantan.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

**Võ Đình Tuấn**

**Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng**

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuantan.com.vn

**Phù Vĩnh Quế**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written